

KIỂM SOÁT**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2013**

(Từ ngày 1/1/2013 đến hết ngày 31/12/2013)

A - CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THIẾT YẾU

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kế hoạch 2013 so với	
						Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
I	CHỈ TIÊU CHỦ ĐẠO :						
1	Tổng giá trị cổ tức chi trả	Tr.đồng	4,773.00	5,140.15	4,773.00	100%	93%
2	Tỷ lệ cổ tức chi trả	%	13%	14%	13%		
3	Thời gian chi trả			(2012 và 2013)			
II	TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	137,960.34	142,241.04	154,049.40	111.7%	108.3%
	Trong đó :						
1	Doanh thu từ sản xuất-kinh doanh	Tr.đồng	137,890.34	142,179.12	153,999.40	111.7%	108.3%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	70.00	61.92	50.00	71.4%	80.7%
III	THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC	Tr.đồng	4,058.00	4,047.02	4,008.00	98.8%	99.0%
1	Liên kết khai thác mặt bằng	Tr.đồng	3,858.00	3,802.23	3,858.00	100.0%	101.5%
2	Thanh lý tài sản	Tr.đồng	50.00	0.00	50.00	100.0%	
3	Thu nhập khác	Tr.đồng	150.00	244.79	100.00	66.7%	40.9%
IV	TỔNG CHI PHÍ		130,690.79	126,078.00	140,754.40	107.7%	111.6%
1	Chi phí sản xuất kinh doanh		130,690.79	126,077.63	140,754.40	107.7%	111.6%
	Trong đó : Chi phí tài chính	Tr.đồng	5,040.00	4,648.14	3,600.00	71.4%	77.5%
2	Chi phí hoạt động khác	Tr.đồng	0.00	0.37	0.00		
V	GIÁ TRỊ HÀNG NHẬP KHẨU	1.000 USD	700.00	1,411.82	2,200.00	314.3%	155.8%
VI	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	11,327.55	20,210.43	17,303.00	152.8%	85.6%
1	Từ sản xuất - kinh doanh	Tr.đồng	7,199.55	16,101.49	13,245.00	184.0%	82.3%
2	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	70.00	61.92	50.00	71.4%	80.7%
3	Từ hoạt động khác	Tr.đồng	4,058.00	4,047.02	4,008.00	98.8%	99.0%

B - SỐ LƯỢNG VÀ DOANH THU CÁC MẶT HÀNG BÁN RA

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Thực hiện năm 2012		Kế hoạch năm 2013		Kế hoạch 2013 so với	
			Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
A	TỔNG DOANH THU SXKD	Tr.đồng		137,890.34		142,179.12				
B	SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM TIÊU THỤ						153,999.40		111.68%	108.31%
1	Găng phẫu thuật các loại	1.000 đôi	22,827.0	101,961.5	21,612.9	98,694.36	22,782.00	100,316.00	99.80%	105.41%
	Găng phẫu thuật tiết trùng	1.000 đôi	15,924.0	76,435.2	15,515.4	75,771.82	16,500.00	77,353.00	103.62%	106.35%
	Găng phẫu thuật chưa tiết trùng	1.000 đôi	6,903.0	25,526.3	6,097.5	22,922.54	6,282.00	22,963.00	91.00%	103.03%
2	Condom các loại	1.000 cái	25,600.0	12,954.0	40,553.4	20,105.71	60,190.00	31,426.00	235.12%	148.42%
3	Găng kiểm tra các loại	1.000 đôi	5,950.0	8,925.0	8,016.1	11,940.94	8,570.00	11,998.00	144.03%	106.91%
4	Găng y tế cổ dài các loại	1.000 đôi	1,620.0	3,078.0	886.5	1,763.61	830.00	1,394.40	51.23%	93.63%
5	Nút Peni các loại	1.000 cái	31,500.0	8,325.0	24,550.0	6,629.46	24,700.00	6,501.00	78.41%	100.61%
	Tổng hợp	1.000 cái	9,000.0	3,150.0	7,600.0	2,650.68	7,600.00	2,649.00	84.44%	100.00%
	Tự nhiên	1.000 cái	22,500.0	5,175.0	16,950.0	3,978.78	17,100.00	3,852.00	76.00%	100.88%
6	Nút Serum	1.000 cái	530.0	619.6	502.5	582.66	435.00	499.00	82.08%	86.57%
	Tổng hợp	1.000 cái	280.0	369.6	222.5	285.57	230.00	294.00	82.14%	103.37%
	Tự nhiên	1.000 cái	250.0	250.0	280.0	297.09	205.00	205.00	82.00%	73.21%
7	Mặt hàng cao su- kim khí khác	1.000 cái	1,200.0	396.0	900.0	296.00	1,000.00	312.00	83.33%	111.11%
	Nút ống nghiệm	1.000 cái	1,200.0	396.0	900.0	296.00	1,000.00	312.00	83.33%	111.11%
8	Mặt hàng khác			1,031.2		2,166.38		1,553.00	150.60%	71.69%
	-Ống thông	1.000 cái	18.1	289.6	7.0	117.3	7.5	119.0	41.44%	107.60%
	-Ống Penrose	1.000 cái	46.2	101.6	36.3	88.6	37.0	85.0	80.09%	101.93%
	-Găng sản	1.000 cái	20.0	340.0	8.3	145.3	10.0	166.0	50.00%	120.77%
	-Gel bôi trơn	1.000 cái	0.0	0.0	1,154.5	1,563.8	700.0	933.0		60.63%
	-Hàng hóa khác	Tr.đồng		300.0		251.4		250.0		

C - LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012 điều chỉnh	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kế hoạch 2013 so với	
						Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
1	Tổng số lao động bình quân	Người	281.00	281.10	292.00	103.9%	103.9%
	- Lao động trực tiếp	Người	235.00	235.50	245.00	104.3%	104.0%
	- Lao động gián tiếp	Người	46.00	45.60	47.00	102.2%	103.1%
2	Tổng quỹ lương SX-KD	Tr.đồng	15,634.00	16,089.36	19,887.00	127.2%	123.6%
	-Bộ phận trực tiếp	Tr.đồng	11,512.00	11,880.43	14,657.00	127.3%	123.4%
	-Bộ phận gián tiếp	Tr.đồng	4,122.00	4,208.93	5,230.00	126.9%	124.3%
3	Quỹ lương đào tạo	Tr.đồng	203.00	173.56	200.00	98.5%	115.2%
4	Các khoản thu nhập khác	Tr.đồng	2,269.00	2,749.70	3,269.86	144.1%	118.9%
5	Lương BQ/người	Tr.đồng	55,637.01	57,237.13	68,106.16	122.4%	119.0%
	-Bộ phận trực tiếp	Tr.đ/LĐ	48,987.23	50,447.69	59,824.49	122.1%	118.6%
	-Bộ phận gián tiếp	Tr.đ/LĐ	89,608.70	92,300.99	111,276.60	124.2%	120.6%
6	Tổng thu nhập của CBCNV	Tr.đồng	18,106.00	19,012.61	23,356.86	129.0%	122.8%
	-Thu nhập BQ/người	Tr.đ/LĐ	63,711.74	67,019.04	79,304.32	124.5%	118.3%
7	Năng suất lao động						
	-NSLĐ 1 CBCNV	Tr.đ/LĐ	191.11	200.10	213.68	111.8%	106.8%
	-NSLĐ của 1 CN TT SX	Tr.đ/LĐ	228.52	238.85	254.67	111.4%	106.6%

D - PHÂN BỐ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT-KINH DOANH CHO TỪNG VỊ

D1. CÁC ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Thực hiện năm 2012		Kế hoạch năm 2013		Kế hoạch 2013 so với	
			Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
I	P. BÁN HÀNG TỰ DO									
A	TỔNG DOANH THU	Tr.đồng		56,845.00		50,101.81		51,130.00	89.95%	102.05%
B	THU TIỀN BÁN HÀNG	Tr.đồng		61,900.00		53,137.95		55,000.00	88.85%	103.50%
C	CHI TRẢ HOA HỒNG	Tr.đồng		1,700.00		1,711.95		1,925.00	113.24%	112.44%
D	TỶ LỆ THẤT DO BÁN DƯỚI GIÁ	Tr.đồng		0.00		-365.25		0.00		0.00%
1	Sản phẩm chính	Tr.đồng		48,613.00		43,358.76		44,501.00	91.54%	102.63%
a	Găng phẫu thuật các loại	1.000 đôi	9,665.00	43,257.00	8,942.92	38,829.89	9,433.00	40,939.00	97.60%	105.48%
	-Đã tiết trùng	1.000 đôi	6,815.00	32,712.00	6,173.92	28,882.32	6,651.00	30,925.00	97.59%	107.73%
	+Số 6,5	1.000 đôi	450.00	2,160.00	591.50	2,767.11	615.00	2,859.00	136.67%	103.97%
	+Số 7	1.000 đôi	4,200.00	20,160.00	3,714.87	17,378.59	4,110.00	19,111.00	97.86%	110.64%
	+Số 7,5	1.000 đôi	2,150.00	10,320.00	1,858.35	8,693.58	1,920.00	8,928.00	89.30%	103.32%
	+Số 8	1.000 đôi	15.00	72.00	9.20	43.04	6.00	27.00	40.00%	65.22%
	-Chưa tiết trùng	1.000 đôi	2,850.00	10,545.00	2,769.00	9,947.57	2,782.00	10,014.00	97.61%	100.47%
	+Số 6,5	1.000 đôi	30.00	111.00	12.40	44.55	13.00	46.00	43.33%	104.84%
	+Số 7	1.000 đôi	2,000.00	7,400.00	1,722.90	6,189.48	1,720.00	6,192.00	86.00%	99.83%
	Trong đó số 7 A2	1.000 đôi	350.00	-	110.80	398.05	150.00	540.00	42.86%	135.38%
	+Số 7,5	1.000 đôi	800.00	2,960.00	1,022.80	3,674.39	1,040.00	3,744.00	130.00%	101.68%
	Trong đó số 7,5 A2	1.000 đôi	300.00	-	10.20	36.64	12.00	43.00	4.00%	117.65%
	+Số 8	1.000 đôi	20.00	74.00	10.90	39.16	9.00	32.00	45.00%	82.57%
	Trong đó số 8 A2	1.000 đôi	0.00	-	3.00	10.78	3.00	10.00	0.00%	0.00%
b	Condom các loại	1.000 cái	600.00	306.00	2,062.00	1,213.61	1,000.00	580.00	166.67%	48.50%
	-Trong đó đóng gói hộp 10	1.000 cái	600.00	306.00	902.00	509.63	500.00	280.00	83.33%	55.43%
	-Đóng gói khác	1.000 cái	0.00		1,160.00	703.98	500.00	300.00		43.10%
c	Găng kiểm tra các loại	1.000 đôi	2,100.00	3,150.00	1,741.20	2,681.45	1,830.00	2,562.00	87.14%	105.10%
	+Size S	1.000 đôi	1,200.00	1,800.00	559.50	861.66	630.00	882.00	52.50%	112.60%
	+Size M	1.000 đôi	900.00	1,350.00	1,181.70	1,819.79	1,200.00	1,680.00	133.33%	101.55%
d	Găng y tế cổ dài các loại	1.000 đôi	1,000.00	1,900.00	325.45	633.82	250.00	420.00	25.00%	76.82%
	+Size S	1.000 đôi	500.00	950.00	119.00	231.76	100.00	168.00	20.00%	84.03%
	+Size M	1.000 đôi	500.00	950.00	206.45	402.06	150.00	252.00	30.00%	72.66%
2	Sản phẩm CSK, Kim khí			7,786.00		6,118.74		5,891.00	75.66%	96.28%
a	Nút Peni các loại	1.000 cái	27,000.00	6,810.00	20,460.00	5,284.31	20,500.00	5,125.00	75.93%	100.20%
	-Nút Peni tổng hợp (Y tế)	1.000 cái	5,000.00	1,750.00	4,110.00	1,450.13	4,000.00	1,411.00	80.00%	97.32%
	-Nút Peni tự nhiên (Thú y)	1.000 cái	22,000.00	5,060.00	16,350.00	3,834.18	16,500.00	3,714.00	75.00%	100.92%

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Thực hiện năm 2012		Kế hoạch năm 2013		Kế hoạch 2013 so với	
			Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
b	Nút Rerum các loại	1.000 cái	500.00	580.00	470.00	538.43	400.00	454.00	80.00%	85.11%
	-Nút serum tổng hợp (Y tế)	1.000 cái	250.00	330.00	192.50	243.97	200.00	253.00	80.00%	103.90%
	-Nút serum tự nhiên (Thú y)	1.000 cái	250.00	250.00	277.50	294.46	200.00	201.00	80.00%	72.07%
c	Mặt hàng CSK-KK khác		1,200.00	396.00	900.00	296.00	1,000.00	312.00	83.33%	111.11%
	-Nút ống nghiệm	1.000 cái	1,200.00	396.00	900.00	296.00	1,000.00	312.00	83.33%	111.11%
3	Mặt hàng khác			446.00		624.31		738.00	165.47%	118.21%
	-Ống thông	1.000 cái	10.00	160.00	4.45	76.57	4.50	73.00	45.00%	101.12%
	-Ống Penrose	1.000 cái	30.00	66.00	29.50	66.47	30.00	64.00	100.00%	101.69%
	-Găng sản	1.000 đôi	10.00	170.00	4.54	77.56	5.00	81.00	50.00%	110.13%
	-Gel bôi trơn	1.000 cái	0.00	-	165.60	244.06	300.00	420.00		181.16%
	-Hàng hóa khác	Tr.đồng		50.00		159.65	0.00	100.00	200.00%	62.64%

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Thực hiện năm 2012		Kế hoạch năm 2013		Kế hoạch 2013 so với	
			Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
II	P. BÁN HÀNG THEO THẦU									
A	TỔNG DOANH THU	Tr.đồng		20,973.30		19,597.49		18,671.20	89.02%	95.27%
B	THU TIỀN BÁN HÀNG	Tr.đồng		22,800.00		17,394.63		20,000.00	87.72%	114.98%
C	CHI TRẢ HOA HỒNG	Tr.đồng		830.00		623.72		800.00	96.39%	128.26%
D	TỶN THẤT DO BÁN DƯỚI GIÁ	Tr.đồng		350.00		-1,614.19		0.00	0.00%	0.00%
1	Sản phẩm chính	Tr.đồng		20,695.10		19,487.70		18,499.20	89.39%	94.93%
a	Găng phẫu thuật các loại	1.000 đôi	3,735.0	16,906.10	3,261.6	16,790.68	3,471.0	15,764.00	92.93%	106.42%
	-Đã tiết trùng	1.000 đôi	2,806.0	13,468.80	2,594.8	14,023.32	2,784.0	13,223.00	99.22%	107.29%
	+Số 6,5	1.000 đôi	200.0	960.00	248.80	1,344.61	250.00	1,187.00	125.00%	100.48%
	+Số 7	1.000 đôi	1,650.0	7,920.00	1,712.75	9,256.38	1,820.00	8,645.00	110.30%	106.26%
	+Số 7,5	1.000 đôi	950.0	4,560.00	629.50	3,402.07	710.00	3,372.00	74.74%	112.79%
	+Số 8	1.000 đôi	6.0	28.80	3.75	20.27	4.00	19.00	66.67%	106.67%
	-Chưa tiết trùng	1.000 đôi	929.00	3,437.30	666.80	2,767.36	687.00	2,541.00	73.95%	103.03%
	+Số 6,5	1.000 đôi	20.00	74.00	12.00	49.80	18.00	66.00	90.00%	150.00%
	+Số 7	1.000 đôi	600.00	2,220.00	441.00	1,830.24	450.00	1,665.00	75.00%	102.04%
	Trong đó số 7 A2	1.000 đôi	4.00		-	0.00	0.00	-	0.00%	
	+Số 7,5	1.000 đôi	300.00	1,110.00	205.40	852.45	210.00	777.00	70.00%	102.24%
	Trong đó số 7,5 A2	1.000 đôi	3.00		3.00	12.45	3.00	11.00	100.00%	100.00%
	+Số 8	1.000 đôi	9.00	33.30	8.40	34.86	9.00	33.00	100.00%	107.14%
	Trong đó số 8 A2	1.000 đôi	-			0.00	0.00	-		
b	Condom các loại	1.000 cái	3,000.0	1,530.00	171.6	106.20	190.0	106.00	6.33%	110.72%
	-Trong đó đóng gói hộp 10	1.000 cái	1,500.0		171.60	106.18	190.00	106.00	12.67%	110.72%
	-Đóng gói khác	1.000 cái	1,500.0			-	0.00	-	0.00%	
c	Găng kiểm tra các loại	1.000 đôi	1,050.0	1,575.00	1,467.8	2,313.61	1,710.0	2,394.00	162.86%	116.50%
	+Size S	1.000 đôi	600.0	900.00	303.00	469.63	350.00	490.00	58.33%	115.51%
	+Size M	1.000 đôi	450.0	675.00	1,164.75	1,843.98	1,360.00	1,904.00	302.22%	116.76%
d	Găng y tế cổ dài các loại	1.000 đôi	360.0	684.00	136.0	277.21	140.0	235.20	38.89%	102.94%
	+Size S	1.000 đôi	120.0	228.00	65.50	133.51	70.00	117.60	58.33%	106.87%
	+Size M	1.000 đôi	240.0	456.00	70.50	143.70	70.00	117.60	29.17%	99.29%
2	Sản phẩm CSK, Kim khí			0.00		2.63		4.00		152.09%
a	Nút Peni các loại	1.000 cái	0.0	0.00	0.0	0.00	0.0	0.00		
	-Nút Peni tổng hợp (Y tế)	1.000 cái	-	0.00	-	0.00	0.00	0.00		
	-Nút Peni tự nhiên (Thú y)	1.000 cái	-	0.00	-	0.00	0.00	0.00		
b	Nút Rerum các loại	1.000 cái	0.0	0.00	2.5	2.63	5.0	4.00		200.00%
	-Nút serum tổng hợp (Y tế)	1.000 cái	-	0.00	-	0.00	0.00	0.00		
	-Nút serum tự nhiên (Thú y)	1.000 cái	-	0.00	2.50	2.63	5.00	4.00		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Thực hiện năm 2012		Kế hoạch năm 2013		Kế hoạch 2013 so với	
			Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
c	Mặt hàng CSK-KK khác			0.00	0.0	0.00	0.0	0.00		
	-Nút ống nghiệm	1.000 cái	-	0.00	-	0.00	0.00	0.00		
3	Mặt hàng khác			278.20		107.16		168.00	60.39%	156.77%
	-Ống thông	1.000 cái	8.00	128.00	2.52	40.69	3.00	46.00	37.50%	119.05%
	-Ống Penrose	1.000 cái	16.00	35.20	6.80	22.13	7.00	21.00	43.75%	102.94%
	-Găng sản	1.000 đôi	5.00	85.00	2.44	44.34	3.00	51.00	60.00%	122.95%
	-Gel bôi trơn	1.000 cái			-	-	-	-		
	-Hàng hóa khác	Tr.đồng		30.00	-	-	-	50.00		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Thực hiện năm 2012		Kế hoạch năm 2013		Kế hoạch 2013 so với	
			Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
III	CHI NHÁNH HÀ NỘI									
A	TỔNG DOANH THU	Tr.đồng		48,358.04		54,051.76		54,038.20	111.75%	99.97%
B	THU TIỀN BÁN HÀNG	Tr.đồng		51,000.00		57,268.60		57,300.00	112.35%	100.05%
C	CHI TRẢ HOA HỒNG	Tr.đồng		1,700.00		2,067.15		2,070.00	121.76%	100.14%
D	TỶN THẤT DO BÁN DƯỚI GIÁ	Tr.đồng		-450.00		2,531.58		0.00	0.00%	0.00%
1	Sản phẩm chính	Tr.đồng		46,696.40		52,015.403		51,974.20	111.30%	99.92%
a	Găng phẫu thuật các loại	1.000 đôi	9,427.0	41,798.40	9,408.35	43,073.79	9,878.00	43,613.00	104.78%	104.99%
	-Đã tiết trùng	1.000 đôi	6,303.0	30,254.40	6,746.65	32,866.18	7,065.00	33,205.00	112.09%	104.72%
	+Số 6,5	1.000 đôi	200.0	960.00	308.70	1,503.82	330.00	1,551.00	165.00%	106.90%
	+Số 7	1.000 đôi	4,150.0	19,920.00	4,711.95	22,954.19	4,930.00	23,171.00	118.80%	104.63%
	+Số 7,5	1.000 đôi	1,950.0	9,360.00	1,721.20	8,384.79	1,800.00	8,460.00	92.31%	104.58%
	+Số 8	1.000 đôi	3.0	14.40	4.80	23.38	5.00	23.00	166.67%	104.17%
	-Chưa tiết trùng	1.000 đôi	3,124.0	11,544.00	2,661.70	10,207.61	2,813.00	10,408.00	90.04%	105.68%
	+Số 6,5	1.000 đôi	20.0	74.00	1.20	4.60	3.00	11.00	15.00%	250.00%
	+Số 7	1.000 đôi	2,100.0	7,770.00	2,246.50	8,615.32	2,360.00	8,732.00	112.38%	105.05%
	+Số 7,5	1.000 đôi	1,000.0	3,700.00	414.00	1,587.69	450.00	1,665.00	45.00%	108.70%
	Trong đó số 7,5 A2	1.000 đôi	4.0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		
b	Condom các loại	1.000 cái	400.0	204.00	1,991.02	1,143.15	1,000.00	580.00	250.00%	50.23%
	-Trong đó đóng gói hộp 10	1.000 cái	200.0		1,806.02	1,032.15	500.00	280.00	250.00%	27.69%
	-Đóng gói khác	1.000 cái	200.0		185.00	111.00	500.00	300.00	250.00%	270.27%
c	Găng kiểm tra các loại	1.000 đôi	2,800.0	4,200.00	4,807.15	6,945.88	5,030.00	7,042.00	179.64%	104.64%
	+Size S	1.000 đôi	1,500.0	2,250.00	3,495.70	5,050.95	3,650.00	5,110.00	243.33%	104.41%
	+Size M	1.000 đôi	1,300.0	1,950.00	1,311.45	1,894.93	1,380.00	1,932.00	106.15%	105.23%
d	Găng y tế cổ dài các loại	1.000 đôi	260.0	494.00	425.00	852.59	440.00	739.20	169.23%	103.53%
	+Size S	1.000 đôi	200.0	380.00	228.00	457.39	220.00	369.60	110.00%	96.49%
	+Size M	1.000 đôi	60.0	114.00	197.00	395.20	220.00	369.60	366.67%	111.68%
2	Sản phẩm CSK, Kim khí			1,554.60		1,386.75		1,417.00	91.15%	102.18%
a	Nút Peni các loại	1.000 cái	4,500.0	1,515.00	4,090.00	1,345.15	4,200.00	1,376.00	93.33%	102.69%
	-Nút Peni tổng hợp (Y tế)	1.000 cái	4,000.00	1,400.00	3,490.00	1,200.55	3,600.00	1,238.00	90.00%	103.15%
	-Nút Peni tự nhiên (Thú y)	1.000 cái	500.00	115.00	600.00	144.60	600.00	138.00	120.00%	100.00%
b	Nút Rerum các loại	1.000 cái	30.0	39.60	30.0	41.60	30.0	41.00	100.00%	100.00%
	-Nút serum tổng hợp (Y tế)	1.000 cái	30.00	39.60	30.00	41.60	30.00	41.00	100.00%	100.00%
	-Nút serum tự nhiên (Thú y)	1.000 cái	-	-	-	-	0.00	-		
c	Mặt hàng CSK-KK khác			0.00		0.00		0.00		
	-Nút ống nghiệm	1.000 cái	-	-	-	-	0.00	-		
3	Mặt hàng khác			107.04		649.61		647.00	604.45%	99.60%

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Thực hiện năm 2012		Kế hoạch năm 2013		Kế hoạch 2013 so với	
			Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
	-Ổng thông	1.000 cái	0.10	1.60	-	-	-	-		
	-Ổng Penrose	1.000 cái	0.20	0.44	-	-	-	-		
	-Găng sản	1.000 đôi	5.00	85.00	1.30	23.44	2.00	34.00	40.00%	153.85%
	-Gel bôi trơn	1.000 cái	-	-	395.85	534.40	400.00	513.00		101.05%
	-Hàng hóa khác	Tr.đồng	-	20.00		91.77	-	100.00	500.00%	108.97%
IV	PHÒNG KẾ HOẠCH									
A	TỔNG DOANH THU			11,714.00		18,428.05		30,160.00	257.47%	163.66%
1	Mặt hàng xuất khẩu	Tr.đồng		600.00		-				
2	Condom dự án	1000 cái	21,600.00	10,914.00	36,328.79	17,642.75	58,000.00	30,160.00	268.52%	159.65%
	-Đóng gói hộp 10	1.000 cái	10,800.00	5,400.00	21,600.00	10,902.86	38,000.00	19,380.00	351.85%	175.93%
	-Đóng gói khác	1.000 cái	10,800.00	5,514.00	10,515.85	5,476.01	20,000.00	10,780.00	185.19%	190.19%
	-Condom trần (Đã KTĐT)	1.000 cái	-	-	4,212.93	1,263.88	-	-		
3	Gel bôi trơn	1000 cái			593.05	785.30				
4	Hàng hóa khác	Tr.đồng		200.00						

D2. CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kế hoạch 2013 so với	
						Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
1	Px. Pha trộn						
	-Dung dịch nhúng găng	Kg	1,245,000	1,208,844	1,274,780	102%	105%
2	Px. Găng						
	-Găng bán thành phẩm	Đôi	23,728,000	23,406,074	24,515,000	103%	105%
	+Số 6,5	Đôi	1,106,000	1,819,315	1,397,000	126%	77%
	+Số 7	Đôi	15,074,000	15,760,699	16,559,000	110%	105%
	+Số 7,5	Đôi	7,516,000	5,826,060	6,559,000	87%	113%
	+Số 8	Đôi	32,000	0	0	0%	
3	Px.Kiểm tra xử lý Găng						
	-Găng BTP kiểm tra hoàn tất	Đôi	7,118,000	6,441,911	7,354,500	103%	114%
4	Phòng KCS						
	-Ktra nhật rách, đóng dấu	Đôi	16,610,000	16,585,319	17,160,500	103%	103%
	- KT thổi nổ TGH (sau nhúng)	Cái	32,777,000	57,264,500	63,000,000	192%	110%
	Số mẻ	Mẻ		996			0%
	- KT condoms khâu KTĐT	Cái	30,000,000	44,122,439	56,000,000	187%	127%
	- KT thổi nổ SGH condoms	Cái	30,000,000	54,434,900	63,000,000	210%	116%
	Số mẻ	Mẻ		941			0%
	- KT chạy máy đóng gói	Cái	29,500,000	40,430,400	57,900,000	196%	143%
	- KT condoms thành phẩm	Cái	29,500,000	40,454,642	57,900,000	196%	143%
	- K.trả vật tư, sản phẩm ...						
5	Px. Đóng gói						
	-Găng PT tiết trùng	Đôi	16,430,000	15,769,685	16,800,000	102%	107%
	+Số 6,5	Đôi	960,000	1,263,600	1,300,000	135%	103%
	+Số 7	Đôi	10,340,000	10,478,836	10,900,000	105%	104%
	+Số 7,5	Đôi	5,100,000	4,026,349	4,600,000	90%	114%
	+Số 8	Đôi	30,000	900	0	0%	0%
	-Găng PT không tiết trùng	Đôi	6,300,000	5,954,600	6,020,000	96%	101%
	-Găng kiểm tra	Đôi	6,700,000	8,286,500	8,800,000	131%	106%
	Size S	Đôi	3,700,000	4,511,000	4,800,000	130%	106%
	Size M	Đôi	3,000,000	3,775,500	4,000,000	133%	106%
	-Găng y tế	Đôi	1,400,000	517,000	1,060,000	76%	205%
	-Găng sản tiết trùng và chưa tiết trùng	Đôi	21,000	6,720	11,000	52%	164%

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kế hoạch 2013 so với	
						Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
	-Ong Penrose	Đôi	40,000	49,236	30,000	75%	61%
	-Ong Thông	Đôi	4,000	0	0	0%	
	-Hàng hóa khác (nếu có)						
6	Px. Cao su khô						
	-Nút peni y tế các loại	Cái	7,500,000	6,770,000	7,000,000	93%	103%
	-Nút peni thú y các loại	Cái	23,500,000	17,330,000	17,000,000	72%	98%
	-Nút chai serum tổng hợp	Cái	320,000	285,000	250,000	78%	88%
	-Nút chai serum tự nhiên	Cái	180,000	170,000	200,000	111%	118%
	-Nút ống nghiệm	Cái	1,200,000	836,000	1,000,000	83%	120%
	-Mặt hàng ukal (nếu có)	Cái					
	-Hàng hóa khác						
7	Px. Pha chế mũ Condom						
	-Dung dịch latex đã pha chế	Kg	108,000	178,380	207,000	192%	116%
8	Px. Nhúng condom						
	-Condom BTP sau nhúng	Cái	32,777,000	49,707,311	63,000,000	192%	127%
	-Hàng hóa khác (nếu có)	Cái					
9	Px. KTĐT và Đóng gói CD						
	- Kiểm tra điện tử	Cái	30,000,000	44,122,439	56,000,000	187%	127%
	- Condom đóng gói (foil)	Cái	29,500,000	40,430,400	57,900,000	196%	143%
	- Condom đóng gói (hộp)	Cái	29,500,000	40,454,642	57,900,000	196%	143%

Nơi gửi :

HDQT

Ban TGD

Các đơn vị

Lưu Văn thư

TỔNG GIÁM ĐỐC *Uy*

Phạm Xuân Mai

Ths.Ks. Phạm Xuân Mai